

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động Ngân hàng;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**Điều 1.** Quyết định này quy định về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước). Chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước gồm 4 (bốn) phần:

1. Hệ thống tài khoản kế toán.
2. Chứng từ kế toán.
3. Sổ kế toán.
4. Báo cáo tài chính.

**Điều 2.** Hệ thống tài khoản kế toán

1. Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước bao gồm các tài khoản kế toán cần sử dụng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước. Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước gồm có các nhóm tài khoản và tài khoản sau đây:

- a) Tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ khác theo quy định của Chính phủ để thực hiện Chính sách tiền tệ quốc gia;
- b) Phát hành tiền và nợ phải trả;
- c) Cho vay, bảo lãnh, tạm ứng cho ngân sách nhà nước;
- d) Hoạt động thanh toán và ngân quỹ;
- đ) Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối;

- e) Tài sản cố định và các tài sản có khác;
- g) Vốn, quỹ và kết quả hoạt động của Ngân hàng Nhà nước;
- h) Thu nhập, chi phí của Ngân hàng Nhà nước;
- i) Tài sản khác có liên quan đến Ngân hàng Nhà nước.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về tài khoản kế toán, hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán kế toán trên các tài khoản theo các chuẩn mực kế toán của Việt Nam, phù hợp với cơ chế nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 3. Chứng từ kế toán và sổ kế toán**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định và hướng dẫn cụ thể về chứng từ kế toán và sổ kế toán của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về kế toán và giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

2. Việc dịch chứng từ kế toán phát sinh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam ghi bằng tiếng nước ngoài khi sử dụng để ghi sổ kế toán tại Ngân hàng Nhà nước và cách viết chữ số trên chứng từ kế toán, sổ kế toán do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định và hướng dẫn phù hợp với yêu cầu xử lý và quản lý nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

### **Điều 4. Báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước**

1. Báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

- a) Bảng cân đối kế toán;
- b) Báo cáo thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động;
- c) Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Nội dung, phương pháp lập, tổng hợp, trình bày Báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định căn cứ vào các chuẩn mực kế toán của Việt Nam, các yêu cầu về quản lý đối với Ngân hàng Nhà nước và phù hợp chuẩn mực, thông lệ quốc tế áp dụng đối với ngân hàng trung ương.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được tiếp tục thực hiện các quy định về chế độ kế toán đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định và hướng dẫn chi tiết về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của Quyết định này.

2. Bộ Tài chính phối hợp và có ý kiến tham gia với Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng, ban hành mới và sửa đổi, bổ sung các quy định và hướng dẫn chi tiết về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước.

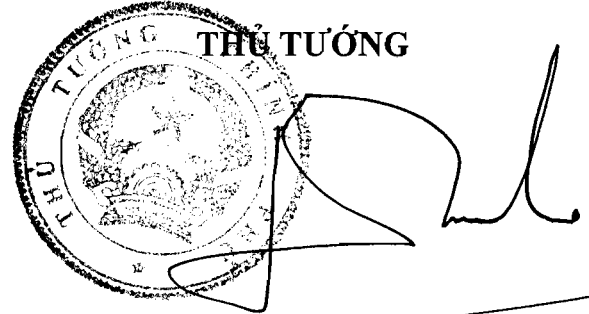
### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan khác ở Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). XH 36D



**Nguyễn Tấn Dũng**